

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/ HS-ST

Ngày 02 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Xuân; Nghề nghiệp: Nguyên giáo viên nghỉ hưu

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2. Bà Nông Thị Trường; Nghề nghiệp, chức vụ: Bí thư Đảng ủy

Công tác tại: Ủy ban nhân dân Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 45/2021/TLST - HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Triệu Ngọc T; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 200x tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không nghề;
Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Triệu Văn B, sinh năm 198x và bà Triệu Thị P,

sinh năm 198x, đều làm nghề trồng trọt và trú tại xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Vợ, Con: chưa có;

Tiền án: Không (Nhân thân: Ngày 20/5/2021, Triệu Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tuyên tổng hợp hình phạt 07 năm 09 tháng tù giam về các Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174; Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST).

Tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 21/10/2020 Công an huyện Quảng Hòa xử phạt hành chính Triệu Ngọc T về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo các Quyết định số 87, 88/QĐXPHC).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Ngọc T:* ông Nông Văn Sự - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- *Bị hại:* Hoàng Văn H, sinh ngày 21/12/200x. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Hoàng Văn H1, sinh năm: 198x. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Triệu Thị P, sinh năm: 198x (Có mặt)

Địa chỉ: xóm X, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người làm chứng:*

+ Bế Văn H2, sinh năm 200x. Địa chỉ: xóm K, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

+ Nông Văn Tr, sinh năm 200x. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của Nông Văn Tr: ông Hoàng Văn Q, sinh năm 196x. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

+ Mạc Thị Th, sinh năm: 199x. Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2020, Triệu Ngọc T, sinh năm 200x, trú tại xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng gọi điện thoại cho Bé Văn H2, sinh năm 200x, trú tại xóm K, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng bảo H2 đến nhà đón T. H2 đồng ý. Cả hai ra thị trấn Q, huyện Q chơi, T rủ H2 sang T.H mua ma túy sử dụng. H2 đồng ý và chở T đi mua ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, khoảng 15 giờ cùng ngày, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 11U1 - 091.6x chở T đi từ hướng xã T huyện T qua Trường Trung học cơ sở (THCS) T.H, nhìn thấy hai em học sinh là Hoàng Văn H, sinh năm 200x, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T và Nông Văn Tr, sinh năm 200x, trú tại xóm L, xã Đ, huyện T đang sử dụng điện thoại ngoài cổng trường. T bảo H2 dừng xe cách hai em học sinh 01 mét, H2 ngồi trên xe. T bước đến gần em H hỏi *“em ơi, cho anh gọi nhờ điện thoại một phút”*. H trả lời *“điện thoại em hết tiền rồi”*. T bảo *“gọi 1588 để họ tính phí cho người nhận cuộc gọi”*. Sau đó, H bảo T đọc số để H ấn gọi. Trong lúc chờ cuộc gọi, T cầm lấy máy điện thoại của H nhưng không có người nghe máy. T trả lại điện thoại cho H. H cầm lấy điện thoại rồi cùng Tr đi vào trong trường. Sau khi H và Tr đi vào trường được khoảng 05 phút thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của H. T đứng ở cổng trường vẫy tay gọi H và Tr ra nhưng hai em không ra. Sau đó, H2 xuống xe tiến đến phía cổng trường gọi hai em Tr và H ra. Khi Tr và H ra cổng trường thì H2 quay về xe ngồi. Còn T ngồi trên thành bê tông của bồn hoa bên phải cổng trường cách vị trí H2 ngồi 1,4 mét, cách vị trí đứng của H, Tr là 1,6 mét. T ngồi đối diện quay mặt vào H, dùng tay phải cầm chiếc dép phải của T vừa gõ vào tay trái của T vừa gõ vào thành bồn hoa và nói *“mày có đưa điện thoại cho tao không, tỳ tao cẩu tao đánh mày đấy”*. Lúc này, H sợ nên thò tay vào túi áo lấy điện thoại ra. T đứng dậy, đặt dép xuống đất, bước xuống xỏ dép tiến đến vị trí của H rồi dùng tay cầm lấy chiếc điện thoại và giả vờ bấm gọi. Sau đó, T dùng tay phải cầm vào áo bên tay trái của H, kéo H lên xe máy. T ngồi giữa, H ngồi sau rồi H2 điều khiển xe theo hướng T.H - thị trấn T. Sau khi đi được khoảng 01km, T bảo H2 dừng xe, H và H2 xuống xe. T một mình điều khiển xe mô tô quay về T.H, Đ cầm cố chiếc điện thoại với chị Mạc Thị Th là nhân viên cửa hàng mua bán điện thoại T.T được 800.000 đồng. Sau khi có tiền, T quay lại đón H2. Cả hai quay về đến T.H, T đi mua ma túy hết 100.000 đồng rồi cho H2 cùng sử dụng. Vài ngày sau, T một mình đến cửa hàng mua bán điện thoại T.T bán chiếc điện thoại với giá 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại, T khác sử dụng vào việc mua ma túy về sử dụng, không chia cho H2. Hiện tại, chiếc điện thoại đã được cửa hàng T.T bán cho khách.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tạm giữ 01 tờ giấy hợp đồng cầm đồ của cửa hàng mua bán điện thoại T.T để

ngày 23/11/2020, người cầm đồ là Triệu Hoàng T, tài sản là 01 điện thoại OPPO A3S, màu tím đen với số tiền 800.000 đồng do nhân viên Mạc Thị Th viết.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh định giá chiếc điện thoại mà Triệu Ngọc T chiếm đoạt. Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL - HĐĐGTS ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Trùng Khánh kết luận: *“Giá trị còn lại tại thời điểm ngày 23/11/2020 của 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu tím đen, đã qua sử dụng là 2.080.000 đ (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)”*.

Quá trình điều tra, bị cáo Triệu Ngọc T khai nhận: Bị cáo có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của H từ khi H và Tr đi vào trường được khoảng 05 phút. T có nói ý định của mình cho H2 nghe. H2 trả lời “ừ”, T nghĩ là H2 hiểu ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của T. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, T một mình đi cầm cố với một nữ nhân viên cửa hàng mua bán điện thoại T.T ở Phố T.H, xã Đ được 800.000 đồng. Sau đó, T đi mua ma túy 100.000 đồng về chia cho H2 sử dụng, nhưng không nói cho H2 biết tiền do cầm cố điện thoại mà có. Được vài ngày sau, do không có tiền chuộc nên T đến cửa hàng điện thoại T.T bán chiếc điện thoại với giá 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại T không chia cho H2.

Bé Văn H2 khai nhận, việc T chiếm đoạt chiếc điện thoại của em học sinh không có bàn bạc gì với H2. H2 không biết T có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của em học sinh. Khi ở cổng trường, H2 được gọi hai em học sinh từ trong trường ra nhưng mục đích là để H cho T mượn điện thoại gọi cho bạn để lấy tiền. T đi bán điện thoại lúc nào H2 không biết và H2 cũng không được T chia tiền.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành thực nghiệm điều tra, cho bị cáo Triệu Ngọc T diễn lại hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của cháu Hoàng Văn H. Kết quả phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu tím đen của Hoàng Văn H. Cửa hàng mua bán điện thoại T.T đã bán cho khách nên quá trình điều tra không thu được chiếc điện thoại.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSTK ngày 26 tháng 5 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Triệu Ngọc T ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội *“Cưỡng đoạt tài sản”* theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Triệu Ngọc T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Người làm chứng Bé Văn H2 khai nhận, H2 không biết T có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của H, việc T chiếm đoạt chiếc điện thoại của H không có bàn bạc gì với H2. Khi ở cổng trường, H2 được gọi hai em học sinh nhưng mục đích là để H cho T mượn điện thoại gọi cho bạn lấy tiền. T đi bán điện thoại lúc nào H2 không biết và H2 cũng không được chia tiền.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Hoàng Văn H yêu cầu bị cáo T bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu tím đen, đã qua sử dụng là 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H. Bà Triệu Thị P nhất trí bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H thay cho bị cáo T, do bị cáo không có tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Ngọc T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Xử phạt bị cáo Triệu Ngọc T từ 04 (bốn) năm - 05 (năm) năm tù. Áp dụng Điều 104 để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo T, buộc bị cáo phải chịu mức phạt từ 11 (mười một) năm 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 2 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, bị cáo T phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Nếu bị cáo T không có tài sản để bồi thường thì mẹ đẻ của bị cáo là bà Triệu Thị P sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu tím đen của Hoàng Văn H. Cửa hàng mua bán điện thoại T.T đã bán cho khách nên quá trình điều tra không thu được chiếc điện thoại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận. Người bào chữa cho bị cáo T là ông Nông Văn Sự nhất trí về tội danh đối với bị cáo T như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T đó là: Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 101, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Từ phân tích trên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cường đoạt tài sản; Về trách nhiệm dân sự: bị cáo T phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Trường hợp bị cáo T không có tài sản để bồi thường thì mẹ đẻ của bị cáo là bà Triệu Thị P sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đối đáp với người bào chữa: vẫn giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo T vì mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Hoàng Văn H nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng và không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời

khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại cổng Trường THCS T.H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Triệu Ngọc T, sinh năm 200x, trú tại xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng có hành vi dọa nạt cưỡng đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S của Hoàng Văn H, sinh năm 200x, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng có trị giá 2.080.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, T mang đi bán được 1.000.000 đồng, số tiền này dùng vào việc mua ma túy về sử dụng.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Triệu Ngọc T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, chỉ trong khoảng một thời gian ngắn, bị cáo liên tiếp thực hiện các hành vi phạm tội xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đối tượng bị cáo hướng đến chiếm đoạt tài sản là người dưới 18 tuổi càng gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết pháp luật, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để đáp ứng nhu cầu ăn chơi, sử dụng ma túy của bản thân; hành vi phạm tội của bị cáo còn thể hiện sự coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo T là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Ngày 20/5/2021, Triệu Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tuyên tổng hợp hình phạt 07 năm 09 tháng tù giam về các Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174; Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST.

Tiền án: Không; Tiền sự: có 02 tiền sự (Ngày 21/10/2020 Công an huyện Quảng Hòa xử phạt hành chính Triệu Ngọc T về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo các Quyết định số 87, 88/QĐXPHC).

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; Tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Ngọc T thực hiện khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bị cáo được áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi tại chương XII của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, áp dụng khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T không phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về bồi thường dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 2 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, bị cáo T phải bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H số tiền 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Nếu bị cáo T không có tài sản để bồi thường thì mẹ đẻ của bị cáo là bà Triệu Thị P sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H.

[7] Các nhận định khác:

Đối với Bé Văn H2 không biết mục đích của T là chiếm đoạt chiếc điện thoại của H. H2 nghĩ T chỉ mượn điện thoại của H. Đồng thời cháu H và cháu Tr cũng khai nhận H2 không có lời nói, hành động gì đối với hai cháu. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc H2 có liên quan đến hành vi chiếm đoạt của T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đủ căn cứ xử lý đối với Bé Văn H2 trong vụ án này.

Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu tím đen của bị hại Hoàng Văn H. Cửa hàng mua bán điện thoại T.T đã bán cho khách nên quá trình điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại.

Đối với Mạc Thị Th không biết chiếc điện thoại mà T mang đến bán là tài sản do vi phạm pháp luật mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Mạc Thị Th trong vụ án này.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ý kiến về mức

hình phạt là nhẹ nên không được chấp nhận; Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo T xuất trình Đơn xin miễn giảm án phí, kèm theo đơn là Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 144/GCN-HN.HCN ngày 24/5/2021 của UBND xã Cai Bộ, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đối với hộ gia đình ông Triệu Văn B (Bố đẻ bị cáo T) trú tại xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, bị cáo Triệu Ngọc T chỉ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Ngọc T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 101 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự;

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Triệu Ngọc T 04 (bốn) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, buộc bị cáo Triệu Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 2 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Triệu Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường cho Hoàng Văn H (sinh ngày 21/12/2007; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 2.080.000 đ (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Trường hợp bị cáo T không có tài sản để bồi thường thì bà Triệu Thị P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Hoàng Văn H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại Hoàng Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo Triệu Ngọc T, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện Trùng Khánh; Công an huyện Quảng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bế Thị Thùy Linh